TIẾNG VIỆT

**BÀI VIẾT 1: CHỮ HOA: M**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**-** Biết viết các chữ cái *M* viết hoa cỡ vừa và nhỏ. Biết viết cụm từ ứng dụng *Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ* cỡ nhỏ, chữ viết đúng mẫu, đều nét và nối chữ đúng quy định.

**- Năng lực chung**: Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học.

**- Năng lực đặc thù**: Năng lực ngôn ngữ, Năng lực văn học

**- Phẩm chất:** Rèn cho HS tính kiên nhẫn, cẩn thận.

*\* HSKT: Biết viết chữ m thường*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Giáo án. Máy tính, máy chiếu.

- HS: SGK, Vở Luyện viết 2, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. KHỞI ĐỘNG**  - GV cho HS chơi trò chơi “Thượng đế cần”  - GV giới thiệu bài mới  **2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Tập viết chữ hoa *M***  Quan sát mẫu chữ hoa *M*  - GV hướng dẫn HS quan sát và nhận xét mẫu chữ *M*:  + Cao 5 li, 6 đường kẻ ngang, viết 4 nét.  + Cấu tạo:   * Nét 1: Móc ngược trái (gần giống nét 2 ở chữ hoa k nhưng hơi lượn đầu sang phải). * Nét 2: Thẳng đứng, hơi lượn một chút ở cuối nét. * Nét 3: Thẳng xiên, hơi lượn ở hai đầu. * Nét 4: Móc ngược phải.   + Cách viết:   * Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 2, viết nét móc từ dưới lên hơi lượn sang phải. Rê bút khi chạm tới đường kẻ 6 thì dừng lại. * Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng đầu bút để viết tiếp nét thẳng đứng. Cuối nét hơi lượn sang trái một chút và dừng bút ở đường kẻ 1. * Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2, chuyển hướng đầu bút để viết tiếp nét thẳng xiên từ dưới lên. Đến đường kẻ 6 thì dừng lại. Chú ý, nét thẳng xiên hơi lượn ở hai đầu. * Nét 4: Từ điểm dừng bút của nét 3, chuyển hướng đầu bút để viết nét móc ngược phải. Dừng bút trên đường kẻ 2.   - GV viết chữ *M* lên bảng, vừa viết vừa nhắc lại cách viết.  Quan sát cụm từ ứng dụng  - GV giới thiệu cụm từ ứng dụng: *Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ*.  - GV giúp HS hiểu: *Câu thành ngữ ý nói một người trong cộng đồng bị tai họa, đau đớn thì cả tập thể cùng chia sẻ, đau xót*.  - GV hướng dẫn HS quan sát và nhận xét độ cao của các chữ cái:   * Những chữ có độ cao 2,5 li: *M, b, g*. * Chữ có độ cao 2 li: *đ*. * Chữ có độ cao 1,5 li: *t*. * Những chữ còn lại có độ cao 1 li: *ô, c, o, n, ư, a, u, c*.  1. **LUYỆN TẬP – THỰC HÀNH**   Viết vào vở *Luyện viết 2,* tập một  - GV yêu cầu HS viết các chữ *M* cỡ vừa và cỡ nhỏ vào vở.  - GV yêu cầu HS viết cụm từ ứng dụng *Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ* cỡ nhỏ vào vở.  **4. VẬN DỤNG**  - HS về nhà luyện viết chữ M hoa  - Nhận xét, dặn dò tiết học | - HS lắng nghe.  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát và nhận xét độ cao của các chữ cái.  - HS viết các chữ *M* cỡ vừa và cỡ nhỏ vào vở.  - HS viết cụm từ ứng dụng *Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ* cỡ nhỏ vào vở.  - HS thực hiện |

*\*Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy:*

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

-----------------------------------------------------